

| STT | SBD                | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H62609850200000001 | HOANG THI PHUONG     | 女         | 2005-05-18 | 019305001833     | LE 4.15   |         |
| 2   | H62609850200000002 | VU THAO CHI          | 女         | 2003-09-26 | 036303007535     | LE 4.15   |         |
| 3   | H62609850200000003 | DINH THI PHUONG      | 女         | 2007-06-14 | 020307006220     | LE 4.15   |         |
| 4   | H62609850200000004 | PHAM THI THU HIEN    | 女         | 2004-06-23 | 015304009225     | LE 4.15   |         |
| 5   | H62609850200000005 | BUI NGUYEN PHUONG VY | 女         | 2009-01-11 | 031309015556     | LE 4.15   |         |
| 6   | H62609850200000006 | VO THI KIM DUNG      | 女         | 2000-11-04 | 001300033623     | LE 4.15   |         |
| 7   | H62609850200000007 | LY KIEU OANH         | 女         | 2000-12-20 | 024300012456     | LE 4.15   |         |
| 8   | H62609850200000008 | HOANG THI NHAN       | 女         | 2004-10-09 | 026304005752     | LE 4.15   |         |
| 9   | H62609850200000009 | HOANG QUYNH ANH      | 女         | 2008-10-16 | 036308003054     | LE 4.15   |         |
| 10  | H62609850200000010 | LY THI HOAN          | 女         | 2000-06-20 | 074300002487     | LE 4.15   |         |
| 11  | H62609850200000011 | DOAN DUC LONG        | 男         | 2005-02-04 | 044205004057     | LE 4.15   |         |
| 12  | H62609850200000012 | DINH THI HUE         | 女         | 2005-07-30 | 019305001645     | LE 4.15   |         |
| 13  | H62609850200000013 | NGUYEN DUC MANH      | 男         | 2005-09-29 | 019205008479     | LE 4.15   |         |
| 14  | H62609850200000014 | NONG THI LIEM        | 女         | 2004-03-27 | 004304001264     | LE 4.15   |         |
| 15  | H62609850200000015 | PHUONG THI NGUYET    | 女         | 1993-02-06 | 019193012779     | LE 4.15   |         |
| 16  | H62609850200000016 | TRAN THI PHUONG ANH  | 女         | 2009-09-10 | 036309006558     | LE 4.15   |         |
| 17  | H62609850200000017 | NGUYEN THI HIEN THU  | 女         | 2000-05-29 | 025300000749     | LE 4.15   |         |
| 18  | H62609850200000018 | NONG THANH THUY      | 女         | 2007-02-13 | 020307000046     | LE 4.15   |         |
| 19  | H62609850200000019 | VU HUYEN TRANG       | 女         | 1987-07-08 | 034187001282     | LE 4.15   |         |
| 20  | H62609850200000020 | TRAN THI HANG        | 女         | 2004-06-25 | 022304006761     | LE 4.15   |         |
| 21  | H62609850200000021 | NIEN THI KIEU VY     | 女         | 2001-05-07 | 008301008149     | LE 4.15   |         |
| 22  | H62609850200000022 | MONG THI HONG GAM    | 女         | 2005-06-25 | 020305007892     | LE 4.15   |         |
| 23  | H62609850200000023 | PHAM THI TUYET       | 女         | 1995-05-21 | 022195009548     | LE 4.15   |         |

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 17.10.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 4.16**

| STT | SBD                | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H62609850200000024 | BUI MINH PHUONG       | 女         | 2009-01-24 | 034309009955     | LE 4.16   |         |
| 2   | H62609850200000025 | NONG THI ANH          | 女         | 2004-11-01 | 004304001078     | LE 4.16   |         |
| 3   | H62609850200000026 | NGUYEN THI HONG NGOC  | 女         | 2005-01-03 | 038305014324     | LE 4.16   |         |
| 4   | H62609850200000027 | TRINH THI LE THUY     | 女         | 2003-10-15 | 038303016901     | LE 4.16   |         |
| 5   | H62609850200000028 | LE THI PHUONG         | 女         | 1998-03-10 | 070198004498     | LE 4.16   |         |
| 6   | H62609850200000029 | DINH THI DUYEN        | 女         | 1991-03-23 | 006191000624     | LE 4.16   |         |
| 7   | H62609850200000030 | VU BICH PHUONG        | 女         | 2009-07-24 | 031309001997     | LE 4.16   |         |
| 8   | H62609850200000031 | VU CHAU GIANG         | 女         | 2005-12-24 | 001305009926     | LE 4.16   |         |
| 9   | H62609850200000032 | NGUYEN THI THUY       | 女         | 2006-11-18 | 030306010915     | LE 4.16   |         |
| 10  | H62609850200000033 | LY THU HOAI           | 女         | 2001-05-16 | 004301000495     | LE 4.16   |         |
| 11  | H62609850200000034 | NGUYEN THI THU TRANG  | 女         | 2009-09-19 | 024309013445     | LE 4.16   |         |
| 12  | H62609850200000035 | CHU TIEN DUNG         | 男         | 2000-12-02 | 022200001186     | LE 4.16   |         |
| 13  | H62609850200000036 | LOI THI DUONG         | 女         | 2004-05-10 | 019304001033     | LE 4.16   |         |
| 14  | H62609850200000037 | NGUYEN THI PHUONG ANH | 女         | 2009-08-29 | 024309001312     | LE 4.16   |         |
| 15  | H62609850200000038 | NGUYEN HA MY          | 女         | 2009-10-22 | 001309056761     | LE 4.16   |         |
| 16  | H62609850200000039 | NGUYEN TRANG NGAN HA  | 女         | 2004-06-08 | 001304034263     | LE 4.16   |         |
| 17  | H62609850200000040 | DO THAI BINH          | 女         | 2009-01-15 | 024309011528     | LE 4.16   |         |
| 18  | H62609850200000041 | LE THI THAO NGUYEN    | 女         | 2003-10-19 | 038303016701     | LE 4.16   |         |
| 19  | H62609850200000042 | TRINH PHUONG OANH     | 女         | 2004-12-05 | 030304006667     | LE 4.16   |         |
| 20  | H62609850200000043 | DANG THI BICH NGUYET  | 女         | 2003-04-01 | 040303002669     | LE 4.16   |         |
| 21  | H62609850200000044 | TA NGUYEN BAO NHI     | 女         | 2009-06-20 | 001309014451     | LE 4.16   |         |
| 22  | H62609850200000045 | TRIEU NHU QUYNH       | 女         | 1999-12-04 | 026199000766     | LE 4.16   |         |
| 23  | H62609850200000046 | NGUYEN THI BICH HA    | 女         | 2003-12-17 | 024303016326     | LE 4.16   |         |

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 17.10.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 5.19**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H62609850200000047 | DO THI THU TRA         | 女         | 2005-11-11 | 022305004711     | LE 5.19   |         |
| 2   | H62609850200000048 | NGUYEN THI THUY HANG   | 女         | 2004-05-17 | 031304008179     | LE 5.19   |         |
| 3   | H62609850200000049 | NGUYEN HONG NGOC       | 女         | 2003-04-14 | 034303007582     | LE 5.19   |         |
| 4   | H62609850200000050 | HOANG PHUONG NAM       | 男         | 2002-10-07 | 024202001179     | LE 5.19   |         |
| 5   | H62609850200000051 | PHAM NGUYEN            | 女         | 2007-10-29 | 036307003227     | LE 5.19   |         |
| 6   | H62609850200000052 | HOANG THI PHUONG THAO  | 女         | 2006-12-14 | 036306007866     | LE 5.19   |         |
| 7   | H62609850200000053 | DO THI HUYEN TRANG     | 女         | 1989-03-20 | 026189013809     | LE 5.19   |         |
| 8   | H62609850200000054 | NGUYEN THI MINH PHUONG | 女         | 2002-03-30 | 024302008248     | LE 5.19   |         |
| 9   | H62609850200000055 | PHAM THI KHANH LINH    | 女         | 2005-11-28 | 033305001280     | LE 5.19   |         |
| 10  | H62609850200000056 | LE THI HUYEN THANH     | 女         | 1990-12-16 | 001190038405     | LE 5.19   |         |
| 11  | H62609850200000057 | NGUYEN THI LY HAN      | 女         | 2005-11-15 | 001305032395     | LE 5.19   |         |
| 12  | H62609850200000058 | HOANG ANH PHUC         | 男         | 2004-01-20 | 004204000996     | LE 5.19   |         |
| 13  | H62609850200000059 | HA THI HAI ANH         | 女         | 2009-11-02 | 006309005064     | LE 5.19   |         |
| 14  | H62609850200000060 | NGUYEN THI VI          | 女         | 2002-07-21 | 034302002296     | LE 5.19   |         |
| 15  | H62609850200000061 | PHAM HOANG YEN         | 女         | 2000-02-08 | 022300001930     | LE 5.19   |         |
| 16  | H62609850200000062 | PHAM THI MINH NGOC     | 女         | 2007-08-31 | 022307010025     | LE 5.19   |         |
| 17  | H62609850200000063 | DUONG THAI LINH        | 女         | 2009-07-29 | 027309005834     | LE 5.19   |         |
| 18  | H62609850200000064 | TONG HUYEN NGOC        | 女         | 2008-08-09 | 025308011311     | LE 5.19   |         |
| 19  | H62609850200000065 | HO THI THUY NHAN       | 女         | 2005-04-01 | 042305002772     | LE 5.19   |         |
| 20  | H62609850200000066 | NGUYEN TUNG ANH        | 男         | 2007-11-17 | 033207010852     | LE 5.19   |         |
| 21  | H62609850200000067 | NGUYEN THI HOAN        | 女         | 2002-02-03 | 024302011244     | LE 5.19   |         |
| 22  | H62609850200000068 | NGUYEN THI NGOC MAY    | 女         | 2001-05-14 | 019301003433     | LE 5.19   |         |
| 23  | H62609850200000069 | NGUYEN THI THUY LINH   | 女         | 2004-09-29 | 040304012905     | LE 5.19   |         |

**ĐẠI HỌC THAI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 17.10.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LR 3.10**

| STT | SBD                | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H62609850200000070 | PHAM THUY LINH          | 女         | 2002-11-07 | 036302012659     | LR 3.10   |         |
| 2   | H62609850200000071 | TRAN PHUONG LOAN        | 女         | 2002-03-13 | 036302008335     | LR 3.10   |         |
| 3   | H62609850200000072 | NGUYEN THU PHUONG       | 女         | 2002-09-30 | 001302009581     | LR 3.10   |         |
| 4   | H62609850200000073 | NGO THI THUY            | 女         | 1995-10-07 | 015195009302     | LR 3.10   |         |
| 5   | H62609850200000074 | LE HAI CHI              | 女         | 2006-12-25 | 001306063397     | LR 3.10   |         |
| 6   | H62609850200000075 | TRINH THI VAN ANH       | 女         | 2001-10-28 | 038301013409     | LR 3.10   |         |
| 7   | H62609850200000076 | TRINH SAO MAI           | 女         | 2002-02-03 | 015302005282     | LR 3.10   |         |
| 8   | H62609850200000077 | NGUYEN THI THUONG       | 女         | 2002-05-22 | 001302004693     | LR 3.10   |         |
| 9   | H62609850200000078 | NGUYEN THU TRANG        | 女         | 2003-03-26 | 024303014445     | LR 3.10   |         |
| 10  | H62609850200000079 | NGUYEN THI VAN          | 女         | 2004-09-29 | 019304000912     | LR 3.10   |         |
| 11  | H62609850200000080 | PHAM THU SANG           | 女         | 2005-11-28 | 022305002540     | LR 3.10   |         |
| 12  | H62609850200000081 | CAM THANH HUE           | 女         | 1994-10-25 | 004194003005     | LR 3.10   |         |
| 13  | H62609850200000082 | PHAM THI HUYEN          | 女         | 1999-11-19 | 022199005725     | LR 3.10   |         |
| 14  | H62609850200000083 | LUONG THU HUONG         | 女         | 2000-07-21 | 022300000461     | LR 3.10   |         |
| 15  | H62609850200000084 | TRAN THI TO NGAN        | 女         | 1992-10-28 | 019192007037     | LR 3.10   |         |
| 16  | H62609850200000085 | DO MINH PHUONG          | 女         | 2009-05-20 | 036309008014     | LR 3.10   |         |
| 17  | H62609850200000086 | LE MY HANH              | 女         | 2007-12-17 | 001307017431     | LR 3.10   |         |
| 18  | H62609850200000087 | TRINH THI TUONG UYEN    | 女         | 2009-10-22 | 030309007967     | LR 3.10   |         |
| 19  | H62609850200000088 | CHU THI LY              | 女         | 2002-10-20 | 024302005846     | LR 3.10   |         |
| 20  | H62609850200000089 | NGUYEN KIM NGOC         | 女         | 2004-10-26 | 001304010522     | LR 3.10   |         |
| 21  | H62609850200000090 | NINH NGUYEN QUYNH HUONG | 女         | 2005-07-26 | 036305001954     | LR 3.10   |         |
| 22  | H62609850200000091 | LE THI NAM              | 女         | 2003-11-12 | 064303001365     | LR 3.10   |         |
| 23  | H62609850200000092 | NGUYEN THUY PHUONG      | 女         | 2003-11-20 | 027303006956     | LR 3.10   |         |

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG  
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 17.10.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LR 3.9

| STT | SBD                | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H62609850200000093 | DOAN THI HUONG GIANG  | 女         | 2001-10-24 | 038301003269     | LR 3.9    |         |
| 2   | H62609850200000094 | PHAM THI THU HUYEN    | 女         | 2002-10-08 | 036302002026     | LR 3.9    |         |
| 3   | H62609850200000095 | TRAN MINH ANH         | 女         | 1999-12-10 | 001199005276     | LR 3.9    |         |
| 4   | H62609850200000096 | NGUYEN THI NHU QUYNH  | 女         | 2000-08-08 | 035300000927     | LR 3.9    |         |
| 5   | H62609850200000097 | TRAN THE HA           | 男         | 1993-07-26 | 036093014439     | LR 3.9    |         |
| 6   | H62609850200000098 | NGUYEN THI QUYNH MAI  | 女         | 1991-09-26 | 031191000237     | LR 3.9    |         |
| 7   | H62609850200000099 | NGUYEN DUC THINH      | 男         | 1993-02-23 | 027093011551     | LR 3.9    |         |
| 8   | H62609850200000100 | LE HAI GIANG黎海江       | 女         | 1995-06-26 | 019195011731     | LR 3.9    |         |
| 9   | H62609850200000101 | NGUYEN THU HUYEN      | 女         | 2001-07-28 | 036301000504     | LR 3.9    |         |
| 10  | H62609850200000102 | DUONG THI THUY LINH   | 女         | 1999-09-11 | 036199000109     | LR 3.9    |         |
| 11  | H62609850200000103 | LE DUC MANH           | 男         | 2003-08-02 | 026203008493     | LR 3.9    |         |
| 12  | H62609850200000104 | DUONG THI HIEN        | 女         | 2004-06-04 | 020304002642     | LR 3.9    |         |
| 13  | H62609850200000105 | HOANG NGOC ANH        | 女         | 2003-06-20 | 020303005331     | LR 3.9    |         |
| 14  | H62609850200000106 | NGUYEN THI THU UYEN   | 女         | 1993-03-13 | 024193015019     | LR 3.9    |         |
| 15  | H62609850200000107 | NGUYEN TUAN HIEP      | 男         | 1981-08-04 | 033081007678     | LR 3.9    |         |
| 16  | H62609850200000108 | PHAM NHU THUY         | 女         | 1993-03-11 | 019193005995     | LR 3.9    |         |
| 17  | H62609850200000109 | DAO THI THU HA        | 女         | 2003-05-25 | 034303000204     | LR 3.9    |         |
| 18  | H62609850200000110 | LAI QUYNH TRANG       | 女         | 2008-11-02 | 0273080009329    | LR 3.9    |         |
| 19  | H62609850200000111 | TRAN THI THU HOAI     | 女         | 1991-08-27 | 036191023499     | LR 3.9    |         |
| 20  | H62609850200000112 | NGUYEN NGOC MINH TU   | 女         | 2009-02-13 | 040309015950     | LR 3.9    |         |
| 21  | H62609850200000113 | DUONG THI THU HUYEN   | 女         | 2005-09-24 | 024305001701     | LR 3.9    |         |
| 22  | H62609850200000114 | NGUYEN THI TRUC QUYNH | 女         | 2003-11-30 | 040303005988     | LR 3.9    |         |
| 23  | H62609850200000115 | VU THI KHANH LINH     | 女         | 2004-05-23 | 037304002084     | LR 3.9    |         |